

VỀ BA BÀI VỊ ĐẶC BIỆT CỦA ĐÌNH NGỌC ĐỘNG

(xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội)

LÊ QUỐC VỤ*

Đình Ngọc Động thuộc xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Đây là một ngôi đình cổ, ít nhất có xuất xứ từ thế kỷ XVII, qua nhiều lần sửa chữa và chiến tranh, dấu tích thời khởi dựng không còn được bao nhiêu. Tuy nhiên, trong đình còn giữ lại được khá nhiều hiện vật quý mà nổi bật nên là những chiếc bài vị gần như "vô tiền khoáng hậu". Ở lĩnh vực bài vị, hiện nay chúng ta mới chỉ tìm được một chiếc bài vị có niên đại được ước đoán vào nửa cuối thế kỷ XVI của đình Phú Gia, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (xem Luận văn tốt nghiệp của Đinh Đức Tiến, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội). Và, như thế, có thể nghĩ ba bài vị ở đình Ngọc Động là những hiện vật nối theo bài vị của đình Phú Gia. Các bài vị này có đề rõ ràng của:

1- Đương cảnh thành hoàng¹ Đào Đô Thống Đại vương gia phong nhất vị tế thế hệ quốc hùng tài trợ thắng Đại vương;

2- Đương cảnh thành hoàng Đào Tam Lang Đại vương gia phong nhất vị tế thế hệ quốc thông minh chính trực Đại vương;

3- Đương cảnh thành hoàng Đào Chiêu Hiển Đại vương gia phong nhất vị tế thế hệ quốc anh linh cảm ứng Đại vương.

Tại nơi đây, hiện tượng lễ hội, trong đó rước sách đi từ di tích này đến di tích khác đều liên quan đến ba vị thành hoàng này. Song, ở đây chỉ chú ý nhiều tới tạo hình của các bài vị.

Cũng như hầu hết các bài vị của thế kỷ XVI và XVII, có dáng chung dưới dạng của con người, phần trên được coi như đầu, phần dưới và phần thân có dáng của cơ thể và hai tay ốp sát hai bên. Bài vị nào cũng được đặt trên một đế bệ, được chạm trổ rất kỹ lưỡng, với hình tượng linh vật và các biểu tượng tự nhiên khác.

Về bài vị số 1

Phần đầu không mang dạng tròn như nhiều bài vị về sau mà chúng được kết nối bởi năm cung tròn nối nhau bằng một đường gờ chỉ nổi, cung trên cùng (lớn nhất), nối tiếp đến hai cung cân xứng (nhỏ nhất), phần dưới là hai cung khác lớn hơn một chút với đường gờ chạy vào trong, tạo thành vân xoắn lớn ốp ở hai bên của một mặt trời đang bốc lửa. Đặc điểm của mặt trời này được bao ở vành ngoài bằng hai gờ chỉ nổi, một đường cắt ngang mặt tròn hợp bởi hàng hạt nhỏ nổi, tạo nên hai nửa như biểu tượng của âm dương, nửa trên có bao đao lửa,

* CỤC DI SẢN VĂN HÓA



Bài vị đình Ngọc Động (Gia Lâm, Hà Nội) - 2, 1, 3 - Ảnh: Tác giả

nửa dưới như vành trăng “thượng huyền” và mũi lá đề đội một quả cầu nhỏ cũng đang bốc đao lửa, ở hai bên của lá hỏa có hai quả cầu khác tương tự. Hình thức đội lá hỏa của mặt trời âm dương và ba quả cầu nhỏ bốc lửa, hầu như chưa tìm thấy được trong những đề tài chạm khắc của người Việt, mà phần nhiều, đây đó chỉ gặp một vài bộ phận tương đồng ở trục dọc mặt trời chia hai nửa đội lá hỏa và quả cầu lửa đã thoáng như có nét theo kiểu rồng châu ba tầng lá đề ở trung tâm của nghệ thuật thời Lý. Song, ở đây, chúng tôi muốn đưa ra một giả thiết để làm việc, cụ thể là mặt trời tròn chia đôi, có lẽ là biểu tượng của âm dương đối đãi. Nếu quả đúng như vậy, thì hiện tượng chia đôi nửa mặt trời tròn sẽ tạm được coi như hình thức âm dương đối đãi này có niên đại sớm vào loại nhất trong tạo hình của người Việt (trước đây tại chùa Linh Tiên, trên bia liên quan đến Mạc Ngọc Liễn...), phong cách Mạc, thoáng như có

hiện tượng phân chia mặt trời nhưng không rõ ràng, tới khoảng giữa và cuối thế kỷ XVII thì đường phân chia hình chữ S chịu ảnh hưởng của dịch học Nho giáo mới được khẳng định. Thậm chí, trong một mặt tròn còn có thể chia làm ba phần (ngưỡng bên phải tiền bái Văn Miếu, mà nhiều nhà dân tộc học mỹ thuật ngỡ như đọc được ở đấy một biểu tượng gắn với bản chất của tam tài: Thiên - địa - nhân, ba thế lực cơ bản cấu thành các tầng vũ trụ). Còn ba quả cầu lửa cũng đã gặp nhiều ở vào khoảng giữa thế kỷ XVII về sau trên tháp đá chùa Phật Tích (Bắc Ninh), Yên Tử (Quảng Ninh), trên đá cấm mộ ở Đống Thếch (Hòa Bình), đôi khi cũng từng gặp ở trên bia cùng khoảng niên đại này. Khi chưa tìm được một lời giải thích nào chân xác tuyệt đối, thì chúng tôi tạm ngờ rằng, chúng cũng có thể là biểu tượng của tam tài hoặc của ba thế lực tối thượng với quyền năng vô bờ bến để tạo lập ra thế giới.

Ở hai bên của đầu bài vị chày xuống hai "lá nhĩ", thoáng như tai của con người, cổ bài vị trong một khung hình chữ nhật là bông cúc/sen mãn khai nhìn nghiêng. Phần giữa của bài vị chia dọc ba đổ nhỏ, hai bên được chạm rỗng từ trên chạy xuống rồi góc đầu chầu vào đế giữa có hàng chữ ghi tên và công trạng của thành hoàng. Những con rồng này với thân dài, mắt quý, miệng lang, sừng nai, tai thú, cổ rắn..., chưa sử dụng đao mác, nhưng đó là những con rồng mà chúng tôi nhận thấy, chúng có phong cách gần gũi với rồng thời Lê sơ nhưng đó chỉ là sự kế thừa đôi khi còn gặp ở khoảng đầu và giữa thế kỷ XVII. Hai điểm bên của bài vị được thể hiện chéo so với phần giữa, cũng được chạm nổi hai con rồng lớn hơn và cùng một tư thế với rồng bên trong, đôi rồng này đã cho phép chúng ta càng khẳng định hơn về nhận thức như đã nêu trên. Đế của bài vị cao hơn đế của hai bài vị kia nên toàn bài vị này cũng cao hơn. Tuy nhiên, đây là một đế được làm lại dưới thời Nguyễn.

Về bài vị số 2

Bài vị này cũng có bố cục tương tự như bài vị số 1. Song, mặt tròn ở giữa cũng chia làm đôi theo chiều ngang nhưng nửa trên được thể hiện là một bông cúc mãn khai, mà chúng tôi ngờ rằng, đó là biểu tượng của một nguồn phát sáng (có thể là mặt trời) mang yếu tố dương một cách khá rõ rệt, nửa dưới của vành tròn được diễn ra dưới dạng như hồ bán nguyệt (có thể là biểu tượng của mặt trăng) mang yếu tố âm. Ở bài vị này không có lá hỏa mà chỉ có ba u tròn nổi đặt cân xứng phía bên trên, phần chính của bài vị cũng thể hiện bố cục và chạm khắc như bài vị số 1. Song, ở cổ, khoảng không gian trống không phải là hoa cúc mà là rồng. Cũng như của bài vị số 1, trên và dưới của rồng tại hai cánh gà đều điểm từng bông cúc mãn khai nhìn chính diện một cách cân xứng. Điểm nổi bật của chạm khắc rồng ở đây là chúng đã có những đao mác lượn sóng nhẹ và mũi khá dài, thoáng đầu đó như có nét kế thừa gần gũi với đao mác của đình Tây Đằng, Ba Vì (ngôi đình có niên đại vào cuối thế kỷ XVI). Phong cách nghệ thuật

này càng rõ hơn ở những hình tượng trang trí tại đế của bài vị.

Về bài vị số 3

Cũng tương đồng như bài vị số 2, nhất là ở phần đế và phần thân. Song, ở phần đầu các vòng cung không có đường gờ viền nối liền với nhau mà tất cả các đầu của từng đường cong đều được cuộn tròn vào trong. Đồng thời, vòng cung cuối cùng được mở rộng trở thành hai vân xoắn lớn giao lưng với nhau ở chính trục giữa. Hai khoeo của vân xoắn ở trên và dưới được điểm nổi hai phần của bông cúc mãn khai nhỏ, chính trung tâm của đầu bài vị là một u tròn nổi lớn tượng cho mặt trời tỏa sáng mỗi bên bằng ba đao mác trong một bố cục cân xứng. Những đao mác này không có sự dứt khoát mạnh như đao mác ở cuối thế kỷ XVII. Trên cùng, dưới ổ bụng của cung tròn trên đỉnh là một nửa bông cúc mãn khai nhìn chính diện. Hiện tượng mặt trời và những bông cúc nhỏ nằm ở khoeo của những vân xoắn đã cho chúng ta ngờ rằng, chính đỉnh bài vị như tượng cho bầu trời với các nguồn sinh lực vô biên, gồm mặt trời ở chính tâm và các tinh tú bao quanh (hình tượng bông cúc nhỏ).

Trong bố cục chung của cả ba bài vị này đều tương tự nhau, đầu ngả ra phía sau so với trục đứng khoảng 20°.

Đây là những bài vị đạt được giá trị nghệ thuật cao, hàm chứa những ý nghĩa về văn hóa và biểu tượng tâm linh với niên đại được coi như khá sớm của người Việt. Đó là điều chúng tôi muốn thông báo./.

L.Q.V

Chú thích:

1- Qua nghiên cứu các sắc phong ở Việt Nam. Chúng tôi thấy rằng, hầu hết phần nội dung trong lòng bài vị ghi tên thánh đều được trích từ nội dung sắc phong. Hiện tượng sắc phong cho thành hoàng chỉ thực sự bắt đầu từ thời Nguyễn. Vì vậy, có thể khẳng định rằng, phần chữ "Tên thánh" trong bài vị được bổ sung thêm vào khoảng thời Nguyễn qua một lần tu sửa nào đó. Dựa vào phong cách nghệ thuật điêu khắc, chúng tôi cũng đã xác định phần đế của bài vị số 1 đã được thay thế, bởi phong cách nghệ thuật không có sự đồng nhất với phần thân.